

Số: 37/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 11 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 488/TTr-STC ngày 27/11/2022; Ý kiến Thành viên UBND tỉnh.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tên tuyến đường, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc phụ lục số 01 kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La: Chi tiết tại Biểu số 01, 02 kèm theo.

2. Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc phụ lục số 07 kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La: Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo.

3. Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc phụ lục số 08 kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La: Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo.

4. Điều chỉnh tên tuyến đường thuộc phụ lục số 12 kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La: Chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2022.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện thiếu sót, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết kịp thời, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán và các cơ quan pháp luật Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

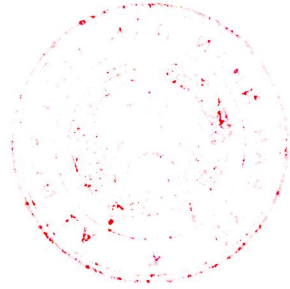
**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (B/c);
- UB MTTQ và các Đoàn thể tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Hậu**



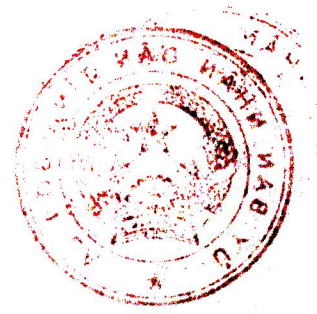


BIỂU SỐ 01

**BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC PHỤ LỤC SỐ 01 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

*(Kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ					
44.30	Khu quy hoạch dân cư hạ tầng 1A thuộc phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La					
-	Tuyến đường rộng 31m	1,0	1,0			
-	Tuyến đường rộng 18,5m	1,0	1,0			
-	Tuyến đường rộng 13m đến 15m	1,0	1,0			
-	Tuyến đường rộng 10m đến 11,5m	1,0	1,0			
-	Tuyến đường rộng 7,5m đến 9,5m	1,0	1,0			

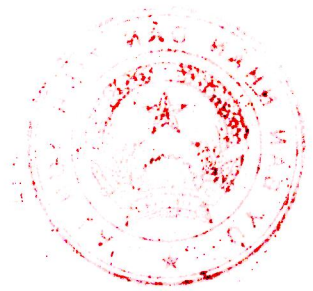




BIỂU SỐ 02

**ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC PHỤ LỤC SỐ 01 - THÀNH PHỐ SƠN LA**  
(*Kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh*)

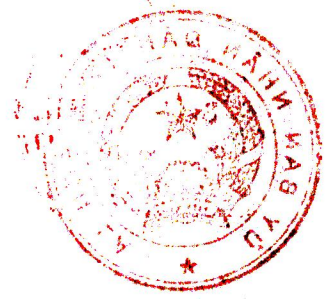
STT	Tên trước điều chỉnh tại Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh	Tên sau điều chỉnh
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	
21	Phố Xuân Thủy	
-	Từ hết nhà văn hóa tổ 10 phường Chiềng Lè đến ngõ số 4	Từ hết nhà văn hóa tổ 10 phường Chiềng Lè đến ngõ số 28
44.27	Đường phố Xuân Thủy	
-	Đoạn từ ngã ba giao giữa đường phố Xuân Thủy với ngõ số 04 đến hết tuyến đường phố Xuân Thủy	Đoạn từ ngã ba giao giữa đường phố Xuân Thủy với ngõ số 28 đến hết tuyến đường phố Xuân Thủy





**BIỂU SỐ 03****BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC PHỤ LỤC SỐ 07 - HUYỆN MAI SƠN***(Kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh)*

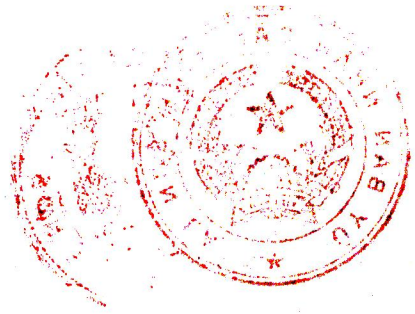
STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>A</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>					
<b>VI</b>	<b>Bổ sung các tuyến mới</b>					
1	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót (trừ đường Tôn Thất Tùng đoạn từ ngã ba viện Lao + 20m đến hết ranh giới Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn +100m)	1,0				
2	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót (trừ Đường 20-8 đoạn từ Km 274 + 300 đến Km 275 + 300 đầu cầu mới rẽ đi Nhà văn hóa thiếu nhi và Phố Trần Quốc Hoàn đoạn từ Km 275 + 150 (cổng Kho bạc) đến đầu cầu Trạm bơm nước Nhà máy đường)	1,0				
3	Tuyến đường nhựa từ đường Quốc lộ 6 + 100m đi bản Nà Sắng, xã Hát Lót	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 6 +100 m đến Quốc lộ 6 + 400 m (hết địa phận thị trấn Hát Lót)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các tuyến đường nhựa còn lại khu vực đô thị	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>					
<b>XIV</b>	<b>Bổ sung các tuyến mới</b>					
13	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bản Mu Kít, xã Cò Nòi	1,0				
14	Các đường trong quy hoạch giai đoạn 1 khu đô thị mới ngã ba xã Cò Nòi: Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 16,5m (Lô 7A)	1,0				
15	Đường qua điểm dân cư nông thôn chính trang tiểu khu 1, xã Cò Nòi (khu gốc đa)	1,0				
16	Tuyến đường nhựa từ đường Quốc lộ 6 + 100m đi bản Nà Sắng, xã Hát Lót					
-	Đoạn từ Quốc lộ 6 + 400 m đến bản Nà Sắng (hết tuyến đường nhựa) giá đất	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Các tuyến đường nhựa còn lại khu vực nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0



**BIỂU SỐ 04****BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC PHỤ LỤC SỐ 08 - HUYỆN YÊN CHÂU**

*(Kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
B	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>					
B1	<b>ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÀU MỚI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH</b>					
6	Tuyến đường dọc kè Suối huyện Yên Châu					
-	Từ đầu cầu Chiềng Khoi (Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu) đến bản Mường Vạt, xã Viêng Lán	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B2	<b>ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ</b>					
XIV	<b>Bổ sung các tuyến mới</b>					
1	Tuyến đường Chiềng Khoi - Phiêng Khoài					
-	Từ đầu cầu Chiềng Khoi (Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu) đến bản Tam Thanh, xã Phiêng Khoài	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến đường Mường Lựm, Yên Châu - Tân Lập, Mộc Châu					
-	Từ xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu đến địa phận huyện Yên Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Trung tâm xã Mường Lựm					
-	Từ đầu đập hồ mường lựm tới UBND xã cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Trung tâm xã Chiềng Tương					
-	Từ UBND xã cũ cách 500m hướng về đồn biên phòng 465 tới qua ngã 3 rẽ vào UBND xã mới 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0





**BIỂU SỐ 05**

**ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC KHU LỤC SỐ 12 - HUYỆN PHÙ YÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tên trước điều chỉnh tại Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh	Tên sau điều chỉnh
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ	
XIII	Xã Tường Phù	
3	Từ tiếp giáp xã Huy Hạ đi hết khu dân cư bản Đông (đọc theo đường QL 37)	Từ tiếp giáp xã Huy Hạ đi đến Suối Khùm bản Đông

